

Số: *MT*/SNN-KHTC

Bắc Kạn, ngày *12* tháng 01 năm 2019

V/v xin ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng  
Nghị quyết HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung  
một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/  
NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh

Kính gửi:

- Công thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính,  
Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và công nghệ,  
Công thương, Tư pháp, Lao động thương binh và xã hội,
- Mặt trận tổ quốc tỉnh, Hội nông dân, Hội phụ nữ,  
Đoàn thanh niên;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hội liên hiệp khoa học tỉnh;
- Thành viên tổ xây dựng dự thảo Hồ sơ Nghị quyết;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh, về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Thông báo số 04/TB-HĐND ngày 05/01/2019 của HĐND tỉnh Bắc Kạn về việc Kết luận phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 01 năm 2019 (mở rộng), trong đó có nội dung: Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND trong thời gian vừa qua và lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp để đảm bảo Nghị quyết có tính khả thi khi triển khai.

Để có cơ sở tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020,

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Kạn đề nghị Công thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn cho đăng tải. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bắc Kạn, các tổ chức liên quan tham gia góp ý vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết (*đối với các Đối tượng chịu tác động của Chính sách có văn bản xin ý kiến riêng*), gồm các văn bản sau:

- (1) Dự thảo tờ trình của UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh;
- (2) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh;
- (3) Báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết sau khi điều chỉnh;

(4) Báo cáo kết quả hai năm thực hiện Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND tỉnh;

Ngoài ra, Hồ sơ dự thảo Nghị quyết được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn - Mục tải văn bản, tài liệu.

(gửi kèm Báo cáo thuyết minh số 13/BC-SNN ngày 22/01/2019 của Sở NN-PTNT)

Văn bản tham gia góp ý xin gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 12/02/2019 địa chỉ: [tckh.nn@backan.gov.vn](mailto:tckh.nn@backan.gov.vn) để tổng hợp. / th

**Nơi nhận:**

Gửi bản điện tử:

- Như trên (p/h);
- UBND tỉnh (B/c);
- Giám đốc, các PGĐ sở;
- Các phòng thuộc SNN (P/h);
- VP, Website của SNN;

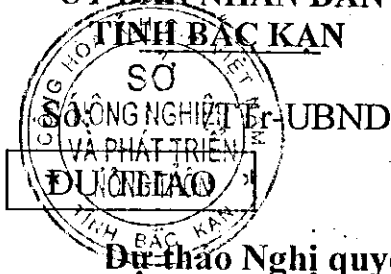
Gửi bản giấy:

- Lưu VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày .... tháng ... năm 2019

## TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị Quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh, về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Thông báo số 04/TB-HĐND ngày 05/01/2019 của HĐND tỉnh Bắc Kạn về việc Kết luận phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 01 năm 2019 (mở rộng), trong đó có nội dung: Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND trong thời gian vừa qua và lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp để đảm bảo Nghị quyết có tính khả thi khi triển khai.

Xét Tờ trình số ...../TTr- SNN ngày ....../.../2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT .....

UBND tỉnh Bắc Kạn trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị Quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn, với những nội dung sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 11/4/2017, HĐND tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020.

Trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh những bất cập và một số nội dung tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND chưa phù hợp với các văn bản, quy định hiện hành và tình hình thực tế hiện nay tại địa phương, cụ thể:

- Tại khoản 1, Điều 4. Chính sách hỗ trợ lãi suất mua sắm máy móc thiết bị: Đối tượng hỗ trợ là các HTX hoạt động trên địa bàn các phường, thị trấn

trong tình, chưa quy định cho đối tượng HTX hoạt động trên địa bàn các xã hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất mua máy móc, thiết bị (lý do: *Tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND đối tượng hỗ trợ là các HTX hoạt động trên địa bàn các xã được hưởng theo chính sách tại Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015 của HĐND tỉnh Bắc Kạn nhưng đến nay Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND đã được bãi bỏ*). Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các HTX hoạt động trên địa bàn cần thiết bổ sung chính sách hỗ trợ cho các đối tượng HTX hoạt động trên địa bàn xã.

- Tại khoản 1, Điều 5 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh quy định: “1. *Đối tượng hỗ trợ: Các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, trang trại, gia trại*” Nhưng tại khoản 3, Điều 5 chưa có quy định cụ thể về nội dung, thời gian, mức hỗ trợ cho các HTX chăn nuôi, Tổ hợp tác chăn nuôi, HTX tổng hợp thuộc lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

- Tại Điều 7. Hỗ trợ kinh phí thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn QCVN 01-132:2013/BNNPTNT quy định “*Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, gia trại*”. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 1, Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02/02/2018 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, thì đối tượng tổ hợp tác, gia trại không thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Chính vì vậy, đối tượng hỗ trợ quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND cần thiết được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với các văn bản quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương, như sau: “*Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã, trang trại (gọi tắt là cơ sở)*”.

Mặt khác, để xuất bán được sản phẩm trên ra thị trường thì các cơ sở phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác (chứng nhận VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...) hoặc cơ sở phải tự công bố sản phẩm, đây là một bằng chứng về thực phẩm đảm bảo sạch, an toàn để có cơ hội được cung cấp sản phẩm nông sản vào các siêu thị, khách sạn, nhà hàng,...từ đó các sản phẩm có thể mạnh của địa phương mới thành hàng hóa, có thương hiệu và tham gia vào chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước và để giảm bớt khó khăn về tài chính cho các hợp tác xã, trang trại cần thiết bổ sung tại khoản 3, điều 7 của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND chính sách hỗ trợ cho các hợp tác xã, trang trại về kinh phí thẩm định, phí phân tích mẫu; phí cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác (chứng nhận VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...); phí phân tích sản phẩm để tự công bố sản phẩm theo quy định.

- Thực trạng sản xuất đối với cây dong riềng và miến dong hiện nay trên địa bàn tỉnh đang có nhiều bất cập. Sản lượng miến sản xuất hàng năm được tiêu thụ với giá cả và thị trường ổn định. Tuy nhiên, sản lượng sản xuất miến còn thấp, quy mô sản xuất còn manh mún, chưa đáp ứng được nhu cầu chế biến của

sản lượng củ và tinh bột dong riêng hàng năm trên địa bàn tỉnh (sản xuất miền chỉ sử dụng được 20-30% lượng tinh bột). Vì vậy, hàng năm đều phải bán củ dong và tinh bột dong riêng ra ngoài tỉnh với giá thấp và không ổn định ảnh hưởng đến hàng nghìn hộ nông dân trồng dong riêng trong toàn tỉnh.

Để khuyến khích các cơ sở sản xuất, các tổ hợp tác, hợp tác xã đầu tư mở rộng quy mô và đầu tư mới về sản xuất miền dong riêng tạo thành chuỗi liên kết sản xuất từ vùng nguyên liệu đến sản phẩm miền nhằm ổn định thị trường, củng cố duy trì thương hiệu sản phẩm miền dong và nâng cao thu nhập cho người dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị HĐND tỉnh cho bổ sung nội dung và đối tượng hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất, tổ hợp tác và hợp tác xã sản xuất dong riêng trên địa bàn tỉnh.

Từ những lý do trên việc xây dựng và ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh, về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020 để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và khuyến khích các cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã có hoạt động sản xuất miền dong trên địa bàn tỉnh đầu tư mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, chất lượng sản xuất miền dong là cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM**

### **1. Mục đích**

Xây dựng Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020 cho phù hợp với các văn bản quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện phát triển sản xuất thực tế của địa phương. Đồng thời, khuyến khích các đối tượng tham gia hoạt động sản xuất, chế biến sản phẩm nông sản theo hướng hàng hóa trên địa bàn mạnh dạn đầu tư mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, chất lượng để sản phẩm được kết nối theo chuỗi giá trị nâng cao giá trị sản phẩm và có thị trường tiêu thụ ổn định trong, ngoài nước.

### **2. Quan điểm**

Nội dung Nghị quyết sau khi điều chỉnh, bổ sung phải phù hợp với mục tiêu khuyến khích phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Theo quy định, trong quá trình xây dựng Dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức thực hiện các bước như sau:

1. UBND tỉnh đề xuất ý kiến của Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020 được thực hiện theo thủ tục rút gọn và được Ban cán sự đảng UBND tỉnh nhất trí tại cuộc họp ngày

05/11/2018 (tại Thông báo số 740-TB/BCSD ngày 06/11/2018 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh).

2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh trình xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy tại Văn bản số 781- CV/BCSD ngày 16/11/2018 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh xin chủ trương điều chỉnh, bổ sung nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh tỉnh Bắc Kạn; Thường trực Tỉnh ủy đã nhất trí tại Thông báo số 1021-TB/TU ngày 19/11/2018 của Tỉnh ủy Bắc Kạn;

Hội đồng nhân dân tỉnh nhất trí và chỉ đạo tại Thông báo số 04/TB-HĐND ngày 05/01/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết luận phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 01 năm 2019 (mở rộng);

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Bố cục**

- Cơ quan ban hành văn bản: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

- Nghị quyết gồm có 2 Điều:

+ Điều 1. Điều chỉnh bổ sung một số nội dung của Nghị Quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

+ Điều 2. Tổ chức thực hiện.

##### **2. Nội dung cơ bản**

Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020, gồm:

##### **2.1. Nội dung đề nghị điều chỉnh:**

<b>Nội dung tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND</b>	<b>Nội dung đề nghị điều chỉnh</b>
<b>Điều 4. Chính sách hỗ trợ thay đổi phương thức sản xuất</b> 1. Hỗ trợ lãi suất mua sắm máy móc thiết bị a) Đối tượng hỗ trợ: Các Hợp tác xã hoạt động trên địa bàn các phường, thị trấn trong tỉnh.	<b>Điều 4. Chính sách hỗ trợ thay đổi phương thức sản xuất</b> 1. Hỗ trợ lãi suất mua sắm máy móc thiết bị a) Đối tượng hỗ trợ: Các Hợp tác xã (HTX) hoạt động trên địa bàn các xã, phường, thị trấn trong tỉnh.
<b>Điều 7. Hỗ trợ kinh phí thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn QCVN 01-132:2013/BNNPTNT</b>	<b>Điều 7. Hỗ trợ kinh phí thẩm định, phí phân tích mẫu để cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; phí cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPTNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác (chứng nhận</b>

<p>1. Đối tượng hỗ trợ: Các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, trang trại, gia trại.</p> <p>2. Điều kiện hỗ trợ: Các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, trang trại, gia trại có hoạt động đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn QCVN 01-132:2013/BNNPTNT.</p> <p>3. Nội dung hỗ trợ</p> <p>a) Hỗ trợ 100% kinh phí thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.</p> <p>b) Hỗ trợ 100% kinh phí cấp giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn QCVN 01-132:2013/BNNPTN.</p> <p>4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau khi được cấp giấy chứng nhận.</p>	<p><b>VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...); phí phân tích sản phẩm để tự công bố sản phẩm.</b></p> <p>1. Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã, trang trại.</p> <p>2. Điều kiện hỗ trợ: Các hợp tác xã, trang trại có hoạt động đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật An toàn thực phẩm; cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPTNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khác (Chứng nhận VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...); tự công bố sản phẩm, quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.</p> <p>3. Nội dung, mức hỗ trợ:</p> <p>Hỗ trợ một lần phí thẩm định, phí phân tích mẫu để cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; phí cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khác (Chứng nhận VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...); phí phân tích sản phẩm để tự công bố sản phẩm cho các hợp tác xã, trang trại đủ điều kiện an toàn thực phẩm nhưng không vượt quá 30 triệu đồng/01 hợp tác xã, trang trại.</p> <p>4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau khi được cấp giấy chứng nhận.</p>
--	---

#### **4.2. Nội dung đề nghị bổ sung**

4.2.1. Bổ sung vào khoản 1, 2, 3 Điều 5 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về đối tượng hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ, nội dung, thời gian, mức hỗ trợ đối với cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất miền dong:

- Đối tượng hỗ trợ: Các cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất miền dong (*gọi tắt là cơ sở sản xuất miền dong*) trên địa bàn tỉnh.

- Điều kiện hỗ trợ: Các cơ sở sản xuất miền dong sử dụng 100% nguyên liệu tại địa phương để sản xuất thành miền dong thương phẩm, công suất chế biến tối thiểu đạt 100 tấn miền/năm.

- Nội dung, thời gian, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền; mức hỗ trợ: Hỗ trợ 500 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt 100 - 150 tấn miến dong/năm; hỗ trợ 800 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt trên 150 - 300 tấn miến dong/năm; hỗ trợ 1.200 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt trên 300 - 500 tấn miến dong/năm; hỗ trợ không quá 2.000 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt trên 500 tấn miến dong/năm; hỗ trợ 01 lần/01 cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất miến dong.

4.2.2. Bổ sung vào khoản 3, Điều 5 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về nội dung, thời gian, mức hỗ trợ đối với tổ hợp tác chăn nuôi, HTX chăn nuôi, HTX tổng hợp thuộc lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp:

Hỗ trợ lãi suất vốn vay từ các tổ chức tín dụng để tổ hợp tác chăn nuôi, HTX chăn nuôi, HTX tổng hợp thuộc lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp đầu tư chăn nuôi gia súc (trâu, bò, lợn, dê) mức hỗ trợ lãi suất là 6%/năm, mức vay hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 1.000 triệu đồng/Tổ hợp tác và không quá 3.000 triệu đồng/01 HTX. Thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa 02 năm; hỗ trợ 01 lần/01 Tổ hợp tác, HTX.

## V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Dự kiến trình HĐND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết tại kỳ họp thứ 11 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX tỉnh Bắc Kạn.

## VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị Quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020 xin ý kiến góp ý của Các Sở, ngành, địa phương và đăng tải xin ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Bắc Kạn đảm bảo theo quy định; lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp để đảm bảo nghị quyết có tính khả thi khi triển khai.

Với nội dung trên, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*Nơi nhận:*

*Gửi bản giấy:*

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh.

*Gửi bản điện tử:*

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở NN&PTNT;
- Lãnh đạo VP;
- \_ Lưu: VT,.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

TỈNH BẮC KẠN

SỐ 08/2017/NQ-HĐND



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày .... tháng .... năm 2019

### NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Quy định điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017 – 2020;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng .... năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017 – 2020, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh điểm a, khoản 1, Điều 4. Đối tượng hỗ trợ lãi suất mua sắm máy móc thiết bị gồm: Các Hợp tác xã (HTX) hoạt động trên địa bàn các xã, phường, thị trấn trong tỉnh.

2. Điều chỉnh Điều 7 như sau:

Hỗ trợ kinh phí thẩm định, phí phân tích mẫu để cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; phí cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khác (chứng nhận VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...); phí phân tích sản phẩm để tự công bố sản phẩm.

- Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã, trang trại.

- Điều kiện hỗ trợ: Các hợp tác xã, trang trại có hoạt động đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, đáp ứng theo quy định

tại khoản 1 Điều 34 Luật An toàn thực phẩm; cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPTNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khác (Chứng nhận VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...); tự công bố sản phẩm, quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

- Nội dung, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ một lần phí thẩm định, phí phân tích mẫu để cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; phí cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPTNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khác (Chứng nhận VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...); phí phân tích sản phẩm để tự công bố sản phẩm cho các hợp tác xã, trang trại đủ điều kiện an toàn thực phẩm nhưng không vượt quá 30 triệu đồng/01 hợp tác xã, trang trại.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau khi được cấp giấy chứng nhận.

3. Bổ sung vào khoản 1, 2, 3 Điều 5 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về đối tượng hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ, nội dung, thời gian, mức hỗ trợ đối với cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất miền dong:

- Đối tượng hỗ trợ: Các cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất miền dong (gọi tắt là cơ sở sản xuất miền dong) trên địa bàn tỉnh.

- Điều kiện hỗ trợ: Các cơ sở sản xuất miền dong sử dụng 100% nguyên liệu tại địa phương để sản xuất thành miền dong thương phẩm, công suất chế biến tối thiểu đạt 100 tấn miền/năm.

- Nội dung, thời gian, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền; mức hỗ trợ: Hỗ trợ 500 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt 100 - 150 tấn miền dong/năm; hỗ trợ 800 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt trên 150 - 300 tấn miền dong/năm; hỗ trợ 1.200 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt trên 300 - 500 tấn miền dong/năm; hỗ trợ không quá 2.000 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt trên 500 tấn miền dong/năm; hỗ trợ 01 lần/01 cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất miền dong.

4. Bổ sung vào khoản 3, Điều 5 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về nội dung, thời gian, mức hỗ trợ đối với tổ hợp tác chăn nuôi, HTX chăn nuôi, HTX tổng hợp thuộc lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp:

Hỗ trợ lãi suất vốn vay từ các tổ chức tín dụng để tổ hợp tác chăn nuôi, HTX chăn nuôi, HTX tổng hợp thuộc lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp đầu tư chăn nuôi gia súc (trâu, bò, lợn, dê) mức hỗ trợ lãi suất là 6%/năm, mức vay hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 1.000 triệu đồng/Tổ hợp tác và không quá 3.000 triệu đồng/01 HTX. Thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa 02 năm; hỗ trợ 01 lần/01 Tổ hợp tác, HTX.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa IX, kỳ họp thứ mười một thông qua và có hiệu lực từ ngày ..... tháng ..... năm 2019./.

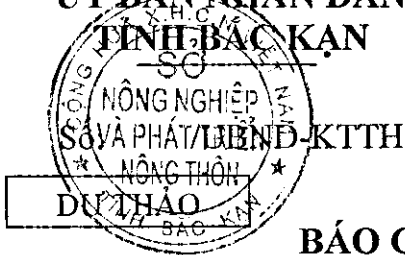
*Nơi nhận:*

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Ban công tác đại biểu (UBTVQH);
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- LDVP;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu VT, HS.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Du**





Bắc Kạn, ngày tháng .... năm 2019

## **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**

**Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của  
Nghị Quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc  
ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh  
Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

### **I. Xác định vấn đề, tổng quan**

#### **1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Trong những năm qua tỉnh đã xây dựng, ban hành nhiều chính sách nhằm phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó chính sách hỗ trợ của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh, về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020 khuyến khích các doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã (HTX), trang trại, gia trại hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp phát triển sản xuất, chế biến các sản phẩm nông sản của địa phương theo hướng hàng hóa có liên kết chuỗi. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết tại địa phương đã phát sinh những bất cập, một số nội dung trong Nghị quyết chưa phù hợp với các văn bản, quy định hiện hành và tình hình thực tế hiện nay tại địa phương.

Đồng thời, một bộ phận lớn nông dân của tỉnh hiện nay khó có khả năng tiếp cận với những lợi ích do công nghệ tạo ra trong sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, thông qua tổ chức đại diện như: Doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, trang trại, gia trại thì sản phẩm nông nghiệp được sản xuất theo chuỗi giá trị để khẳng định chất lượng, mức độ an toàn thực phẩm, có tem nhãn truy xuất nguồn gốc và chứng nhận an toàn theo chuẩn quy định hiện hành. Từ đây tạo tiền đề phát triển vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn hơn, an toàn hấp dẫn các nhà đầu tư đến thu mua sản phẩm nông sản địa phương mở rộng thị trường tiêu thụ theo yêu cầu của đối tác.

Do vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh, về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020 là cần thiết.

#### **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

- Duy trì và phát triển các loài cây, con, sản phẩm có thể mạnh của địa phương và có giá trị kinh tế cao; khuyến khích người dân tham gia liên doanh, liên kết, hình thành các hợp tác xã, cơ sở sản xuất, trang trại để phát triển sản

xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước xây dựng được thương hiệu một số sản phẩm nông sản đặc sản, như: Cây Quýt, Hồng không hạt, sản phẩm mang nhãn hiệu Miền đông Bắc Kạn,....

- Chuyển giao các quy trình sản xuất một số loại cây trồng, vật nuôi có thể mạnh của địa phương tạo ra các sản phẩm có chất lượng được chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao giá trị gia tăng. Tạo động lực cho sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá của tỉnh phát triển ổn định, bền vững.

## **II. Đánh giá tác động của chính sách**

### **1. Những vấn đề khó khăn, bất cập**

Là tỉnh miền núi có địa hình phức tạp, đất đai phân tán và chịu tác động nhiều của thiên tai, dịch hại. Trong sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún chưa phát triển mạnh. Số lượng doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh không nhiều; nguồn lực đầu tư của nhà nước vào lĩnh vực nông lâm nghiệp còn hạn chế, việc huy động các nguồn lực khác từ bên ngoài còn rất khó khăn. Do đó, các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc trưng của địa phương trong tỉnh có sức cạnh tranh yếu, tiêu thụ khó khăn. Diện tích các loại cây trồng chủ lực có tăng nhưng năng suất, chất lượng vẫn chưa đánh giá đúng tiềm năng của cây trồng, vật nuôi bản địa. Một số sản phẩm chủ lực, đặc thù của địa phương như: Cam quýt, Hồng không hạt, Khẩu lua léch, gạo bao thai Chợ Đồn, rau Bò khai, Bí thơm, gừng, Nấm hương, chè, sản phẩm gỗ từ rừng, cây dược liệu, ... chưa thể hiện rõ là sản phẩm hàng hoá phát huy lợi thế tham gia thị trường một cách ổn định, bền vững. Lợi nhuận của người sản xuất chưa cao vẫn còn bấp bênh khi tham gia thị trường, chưa tạo động lực, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển.

Tuy nhiên, tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh, về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020 nhưng sau 2 năm rưỡi thực hiện kết quả đạt được còn hạn chế do thực trạng hiện nay tỉnh đã có quy hoạch đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực nhưng người dân vẫn sản xuất theo hướng tự do, tự phát làm phá vỡ vùng quy hoạch hoặc các hình thức tổ chức sản xuất tuy có hình thành nhưng vẫn còn mang tính hình thức, khả năng tập hợp, tham gia liên kết, hợp tác còn hạn chế. Nhân lực lao động trong nông nghiệp ngày một thiếu nên việc tổ chức sản xuất nông lâm nghiệp theo hướng hàng hoá chưa đáp ứng với xu thế thị trường đòi hỏi hiện nay.

Bên cạnh đó, với nguồn ngân sách của tỉnh hạn hẹp nên chính sách của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND chủ yếu hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các đối tượng hưởng lợi nên trong quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, đối tượng khó tiếp cận với nguồn vốn vay, ví dụ như: Các HTX mới được thành lập còn hạn chế trong năng lực quản trị, phương án kinh doanh chưa có tính khả thi hoặc thiếu tài sản thế chấp nên các tổ chức này không vay được vốn từ các Ngân hàng để được hỗ trợ lãi suất. Đối với chính sách hỗ trợ mô hình HTX kiểu mới sản xuất gắn với chuỗi giá trị của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND thì một số HTX đã được tiếp cận với chính sách, được cơ quan chuyên

trong sản xuất, kinh phí thẩm định, phí phân tích mẫu để cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; phí cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác (chứng nhận VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...); phí phân tích sản phẩm để tự công bố sản phẩm là một bằng chứng về thực phẩm đảm bảo sạch, an toàn để có cơ hội được cung cấp sản phẩm nông sản vào các siêu thị, khách sạn, nhà hàng,...từ đó các sản phẩm có thể mạnh của địa phương mới thành hàng hóa, có thương hiệu và tham gia vào chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước.

Việc triển khai đồng bộ các giải pháp, chính sách, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch trên địa bàn tỉnh. Nhất là chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại trên địa bàn tỉnh; chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị. Đó là giải pháp cơ bản thực hiện thành công tái cơ cấu ngành nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh.

### ***5. Kiến nghị giải pháp được lựa chọn***

- Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh cho phép xây dựng Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị Quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020.

- Chính quyền địa phương chủ động thực hiện nghiên cứu và thử nghiệm, hướng tới giải pháp liên kết hữu hiệu phù hợp đặc thù, thế mạnh của địa phương; tiếp tục thực hiện tốt các chương trình phổ biến thông tin, kiến thức, nâng cao năng lực và hỗ trợ các tổ chức nông dân trong các nội dung tiếp cận thị trường (đàm phán, mặc cả, ký kết hợp đồng), nâng cao kiến thức pháp luật, trợ giúp pháp lý; xây dựng, phát triển và quản trị tổ chức nông dân; trợ giúp kỹ thuật và tập huấn về các tiêu chuẩn kỹ thuật cho nông dân, nâng cao năng lực quản trị đối với các HTX mới thành lập; tăng cường vai trò kết nối doanh nghiệp với tổ chức, nông dân tại địa phương để thúc đẩy nhanh và hiệu quả hơn nữa việc xúc tiến thị trường cho sản phẩm của địa phương, kết nối các tổ chức nông dân với các thị trường phù hợp. Kết nối các doanh nghiệp làm ăn có uy tín và các tổ chức nông dân có tiềm năng.

-Tổng kinh phí dự kiến thực hiện của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 sau khi điều chỉnh bổ sung khoảng 100.000 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ thông qua Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị. Hàng năm ngay sau khi kế hoạch, dự toán kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức rà soát và quyết định phê duyệt đối tượng và mức kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng hưởng lợi đảm bảo các quy định của pháp luật.

Các vùng, các đối tượng, nếu đang được hưởng những chính sách khác không trùng với những chính sách tại quy định này thì tiếp tục hưởng những chính sách đó. Trong cùng một thời gian, nếu đối tượng được hưởng nhiều mức

môn hỗ trợ, hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ nhưng do năng lực của các HTX còn yếu nên tiến độ thực hiện mô hình chậm dẫn đến chậm hoàn thiện hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí mua sắm máy móc thiết bị theo quy định; sự hợp tác, liên kết tiêu thụ sản phẩm cũng chưa đầy đủ và đồng bộ nên chưa thu hút được các nhà đầu tư tham gia đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

## **2. Vấn đề đặt ra**

Xây dựng Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020 cho phù hợp với các văn bản quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện phát triển sản xuất thực tế của địa phương.

Đồng thời, khuyến khích các đối tượng tham gia hoạt động sản xuất, chế biến sản phẩm nông sản theo hướng hàng hóa trên địa bàn mạnh dạn đầu tư mới, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng hàng hóa nông sản để tạo điều kiện các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc thù của tỉnh được kết nối theo chuỗi giá trị phát triển ổn định, bền và vững hiệu quả.

## **3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

- Tuyên truyền, phổ biến và quán triệt chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Nâng cao vị thế, khả năng tham gia của các tác nhân kinh tế trong mối liên kết để phát huy thế mạnh của từng địa phương; nâng cao nhận thức, tầm quan trọng trong việc liên kết sản xuất, phát triển sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh của các sản phẩm nông lâm sản của tỉnh.

- Tiếp tục đào tạo, nâng cao năng lực cho các Hợp tác xã để tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực quản trị, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh. Áp dụng khoa học kỹ thuật, tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí trong sản xuất, chế biến để hạ giá thành sản phẩm hàng hóa, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

- Khuyến khích các đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ của chính sách tham gia đầu tư, sản xuất, chế biến các sản phẩm của nông dân và là đầu mối cung cấp hàng hóa cho các siêu thị, các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh.

## **4. Đánh giá tác động của giải pháp**

Khi chính sách điều chỉnh, bổ sung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh được thông qua, các sản phẩm nông nghiệp tham gia trong chuỗi liên kết có sức cạnh tranh trên thị trường. Thu nhập của người sản xuất, tổ chức đại diện của nông dân như: Các cơ sở sản xuất miền đông Bắc Kạn nâng công suất chế biến miền dần đăng ký thực hiện theo Luật Hợp tác xã để đảm bảo quyền và lợi ích; các hợp tác xã, trang trại tham gia vào sản xuất liên kết chuỗi của doanh nghiệp để hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng “được mùa mất giá” trong sản xuất nông nghiệp.

Ngoài ra, chính sách khi được triển khai sẽ giúp cho các đối tượng đủ điều kiện được chính sách hỗ trợ giảm bớt phần nào khó khăn về kinh phí đầu tư



hỗ trợ khác nhau của cùng một chính sách thì chỉ được lựa chọn hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

- Nguồn vốn thực hiện chính sách:

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện của Nghị quyết sau khi điều chỉnh bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 không phát sinh so với kinh phí mà Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 đang thực hiện. Số kinh phí khoảng 100.000 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ thông qua Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị. Hàng năm ngay sau khi kế hoạch, dự toán kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức rà soát và quyết định phê duyệt đối tượng và mức kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng hưởng lợi đảm bảo các quy định của pháp luật.

Các vùng, các đối tượng, nếu đang được hưởng những chính sách khác không trùng với những chính sách tại quy định này thì tiếp tục hưởng những chính sách đó. Trong cùng một thời gian, nếu đối tượng được hưởng nhiều mức hỗ trợ khác nhau của cùng một chính sách thì chỉ được lựa chọn hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của Chính sách Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị Quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020./.

**Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

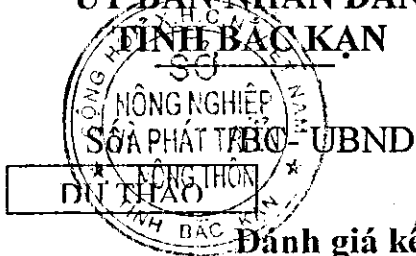
- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB;

*Gửi bản giấy:*

- Lưu: VT, ....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**





Bắc Kạn, ngày tháng .... năm 2019

## BÁO CÁO

**Đánh giá kết quả hai năm thực hiện Nghị quyết  
số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh**

Căn cứ Thông báo số 1021-TB/TU ngày 19/11/2018 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về việc Thông báo nội dung cuộc họp Thường trực Tỉnh ủy ngày 17/11/2018.

Căn cứ Thông báo số 04/TB-HĐND ngày 05/01/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về kết luận phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 01 năm 2019 (mở rộng);

Sau khi tổng hợp kết quả thực hiện Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh của các sở, ngành, địa phương, UBND tỉnh báo cáo như sau:

### **I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU HAI NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Công tác tham mưu cho UBND tỉnh trong việc chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND**

Để thực hiện được các nội dung giao tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017, UBND tỉnh ban hành Hướng dẫn số 182/HD-UBND ngày 29/5/2017 về việc thực hiện Nghị quyết 08/2017/NQ-HĐND. Sau 1 năm thực hiện đã phát sinh những vướng mắc tại Hướng dẫn số 182/HD-UBND ngày 29/5/2017, do vậy, để tháo gỡ những vướng mắc UBND tỉnh tổ chức nhiều cuộc họp thống nhất lấy ý kiến góp ý của các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan và đã ban hành Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh, thay thế cho Hướng dẫn số 182/HD-UBND ngày 29/5/2017 Ngày 29/12/2017 để các địa phương có cơ sở tổ chức, thực hiện.

Trong quá trình triển khai, thực hiện các trình tự, thủ tục vay vốn theo hướng dẫn tại Quyết định 1893/QĐ-UBND của UBND tỉnh vẫn còn xảy ra bất cập. Do đó, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện tại các địa phương, UBND tỉnh đã tổ chức cuộc họp với các một số Sở, ngành liên quan bàn hướng xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1893/QĐ-UBND. Đồng thời, căn cứ Văn bản số 194/HĐND-VP ngày 08/10/2018 của HĐND tỉnh, ngày 19/10/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1752/QĐ-UBND về việc điều chỉnh bổ sung Hướng dẫn kèm theo Quyết định 1893/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn để các cơ quan liên quan và các địa phương tiếp tục tổ chức, thực hiện Nghị quyết theo tiến độ.

#### **2. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn**

Sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố đã chủ động trong

công tác tuyên truyền, hướng dẫn các đối tượng thuộc diện được hưởng lợi từ chính sách trên địa bàn lựa chọn, tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ phù hợp nhất.

Tại các địa phương đã tổ chức triển khai Nghị quyết 08/2017/NQ-HĐND lồng ghép trong các buổi họp tại xã, thôn, tổ nhân dân đến với đông đảo các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là các đối tượng đang hoạt động về lĩnh vực nông lâm nghiệp biết về các chính sách ưu đãi của Nghị quyết từ đó đề xuất nhu cầu đăng ký tham gia chương trình.

### **3. Kết quả thực hiện**

#### **3.1. Thực hiện mục tiêu của Nghị quyết 08/2017/NQ-HĐND**

Trong 2 năm 2017- 2018, tốc độ tăng trưởng của ngành nông, lâm nghiệp tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, trong đó: Năm 2017 tăng 3,31% so với năm 2016; năm 2018, tăng 3,18% so với năm 2017. Các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 đạt được như sau:

- *Chỉ tiêu 10 Hợp tác xã kiểu mới gắn với chuỗi giá trị:*

Hiện nay trên địa bàn có 123 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (*thành lập mới năm 2018 là 30 HTX*), trong đó: 39 HTX trồng trọt, 31 HTX chăn nuôi, 02 HTX lâm nghiệp, 02 HTX nước sạch nông thôn và 49 HTX nông nghiệp tổng hợp.

Năm 2018, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/5/2018, phê duyệt danh sách có 04 Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình Hợp tác xã kiểu mới sản xuất gắn với chuỗi giá trị với kinh phí dự kiến hỗ trợ cho 4 HTX là 1.200 triệu đồng.

Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã hướng dẫn, hỗ trợ về nhân lực giúp 04 hợp tác xã thực hiện mua sắm máy móc, thiết bị cho mô hình. Đến nay đã có 03/04 HTX mua sắm xong máy móc, thiết bị, hoàn tất thủ tục và đã được nhận kinh phí hỗ trợ với tổng số tiền hỗ trợ là: 852,7 triệu đồng/ kế hoạch 1.200 triệu đồng, đạt 71% kế hoạch giao năm 2018, gồm: HTX Thương mại và dịch vụ Nông nghiệp Hợp Thành Thanh Vận huyện Chợ Mới, HTX Chè Mỹ Phương huyện Ba Bể; HTX Nông nghiệp Tân Thành, Thành phố Bắc Kạn.

Riêng đối với HTX Thương mại và Dịch vụ nông nghiệp Dương Phong huyện Bạch Thông (*Trồng, chăm sóc, tiêu thụ cam quýt*) chưa được nhận hỗ trợ kinh phí do đang thực hiện mua sắm máy móc, trang thiết bị và hoàn tất hồ sơ đề nghị thanh toán theo quy định.

- *Chỉ tiêu 25 ha rau sản xuất áp dụng công nghệ cao:*

Tổng diện tích rau sản xuất áp dụng công nghệ cao trong sản xuất rau tại thành phố Bắc Kạn đã được Sở Khoa học và công nghệ triển khai, xây dựng 03 mô hình với diện tích 01 ha đến nay đã nhân rộng ra 2,4 ha rau sản xuất được công nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sản lượng đạt 261 tấn/ năm.

- *Chỉ tiêu 500 ha rau đạt tiêu chuẩn ngành (QCVN 01-132:2013/BNNPTNT) và các tiêu chuẩn khác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm:*

Toàn tỉnh với trên 2.000 ha trồng rau hàng năm với sản lượng bình quân trên 20.000 tấn/năm. Trong 2 năm qua nhận thức được lợi ích từ việc trồng rau

thâm canh nên nhiều HTX, tổ hợp tác đã thành lập, tự học hỏi kỹ thuật trồng rau an toàn gắn với tiêu thụ sản phẩm để đem lại hiệu quả; một số các mô hình theo hướng hàng hóa như mô hình trồng rau bồ khai, bí xanh thơm, cà chua và các loại rau khác tại các xã Ân Tình, Hữu Thác, huyện Na Rì; xã Sỹ Bình, Nguyên Phúc, huyện Bạch Thông; xã Cao Trĩ, Địa Linh, Mỹ Phương, huyện Ba Bể.... Đến nay có trên 140 ha rau, quả sản xuất theo hướng vệ sinh an toàn thực phẩm, bằng 28% mục tiêu của Nghị quyết. Trong đó, có 45 ha trồng thâm canh gắn với tiêu thụ sản phẩm.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh còn có 09 cơ sở được xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn (Huyện ba Bể có Cơ sở Đồng Thị Vọng, thôn Nà Lìn-xã Địa Linh, HTX Sang Hà, thôn Bản Ngù 1- xã Cao Trĩ, HTX chè Mỹ Phương, HTX Yên Dương; huyện Chợ Đồn có HTX Hoàn Thành,... ); có 28 hợp tác xã, tổ hợp tác hoặc nhóm sở thích được cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT) cấp chứng nhận là cơ sở sản xuất, cung ứng rau, củ quả đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm (HTX Chè Shan tuyết Bản Cháo; HTX Hoàn Thành sản xuất lúa chất lượng; HTX Nông nghiệp thanh niên Như Cố sản xuất rau, quả, chè; HTX Phía Khao sản xuất rau; HTX An Lộc sản xuất rau củ quả...) Đây chính những cơ sở tiêu biểu sản xuất kinh doanh nông sản đủ điều kiện để sản phẩm rau, củ trở thành hàng hóa cung ứng vào các thị trường lớn, ước tính mỗi năm cung ứng hàng chục nghìn tấn rau củ, quả và các nông sản khác ra ngoài tỉnh.

- *Chỉ tiêu 1.000 ha cam, quýt đạt tiêu chuẩn ngành (QCVN 01-132:2013/BNNPTNT) và các tiêu chuẩn khác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm:*

Tổng diện tích sản xuất cam, quýt đạt tiêu chuẩn ngành và các tiêu chuẩn khác là 78 ha, trong đó: Diện tích cam, quýt được chứng nhận đủ điều kiện ATTP là 72,2 ha; diện tích cam, quýt được chứng nhận VietGAP là 5,8ha (HTX Toàn Thắng, xã Rã Bản huyện Chợ Đồn), đạt 7,8% mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Ngoài ra, năm 2018, các địa phương thuộc vùng quy hoạch cam quýt đã thực hiện hoạt động thâm canh, cải tạo, sản xuất cam, quýt với tổng diện tích 167 ha. Với diện tích này người dân đã thực hiện trồng, chăm sóc cam, quýt theo quy trình đề nghị cơ quan chuyên môn cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm trong năm 2019.

- *Chỉ tiêu 200 ha hồng không hạt đạt tiêu chuẩn ngành (QCVN 01-132:2013/BNNPTNT) và các tiêu chuẩn khác đảm bảo vệ sinh ATTP:*

Hiện nay, tổng diện tích sản xuất hồng không hạt đạt chứng nhận đủ điều kiện ATTP hoặc VietGAP là 63 đạt 31,54% mục tiêu của Nghị quyết (HTX Tân Phong xã Quảng Bạch huyện Chợ Đồn và HTX Đồng lợi, xã Quảng Khê huyện Ba Bể). Ngoài ra, các huyện Chợ Đồn, Ba Bể đang thực hiện hoạt động thâm canh, cải tạo, sản xuất hồng không hạt 43 ha.

- *Chỉ tiêu 100 ha cây mơ vàng đạt tiêu chuẩn ngành (QCVN 01-132:2013/BNNPTNT) và các tiêu chuẩn khác đảm bảo VSATTP: Diện tích mơ đạt VietGAP 01 ha (HTX Đoàn kết huyện Chợ Mới)*

- *Chỉ tiêu 300 ha cây chè đạt tiêu chuẩn ngành (QCVN 01-132:2013/BNNPTNT) và các tiêu chuẩn khác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm:*

Toàn tỉnh hiện có 34 ha chè đạt tiêu chuẩn VietGap và chè hữu cơ (Chợ Mới 14 ha chè Shan tuyết, huyện Chợ Đồn 20 ha) và trên 64 ha được chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đạt 33% mục tiêu của Nghị quyết.

Ngoài ra, một số địa phương đang thực hiện thâm canh, cải tạo trồng bổ sung đối với cây chè (Ba Bể, Chợ Mới, Chợ Đồn) với tổng diện tích 324 ha.

- *Chỉ tiêu 200 ha cây trồng khác đạt tiêu chuẩn ngành (QCVN 01-132:2013/BNNPTNT) và các tiêu chuẩn khác đảm bảo ATTP:* Đến nay chưa thực hiện.

- *Chỉ tiêu 500 gia trại và 20 trang trại chăn nuôi:*

Hiện nay trên địa bàn có tổng số 5 trang trại chăn nuôi lợn (Chợ Đồn 02; Ba Bể 01; TPBK 01, Chợ Mới 01) đạt 25% mục tiêu của Nghị quyết; có 775 gia trại (13 gia trại nuôi dê; 227 gia trại nuôi gia cầm; 410 gia trại nuôi trâu bò nuôi; 138 gia trại nuôi lợn). Trong số 775 gia trại có một số gia trại đã liên kết để thành lập 32 hợp tác xã chăn nuôi đạt 155% mục tiêu của Nghị quyết.

Ngoài ra, trên địa bàn có 02 Doanh nghiệp chăn nuôi lợn công nghệ cao.

Với định hướng tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng gia trại, trang trại, hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã... chăn nuôi theo hướng đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường và khuyến khích phát triển chăn nuôi thâm canh tăng năng suất, chất lượng bằng việc sử dụng những giống lai có năng suất, chất lượng cao; bảo tồn, phát triển giống vật nuôi bản địa có giá trị kinh tế cao là thế mạnh của nhiều địa phương.

- *Chỉ tiêu 7.000 ha rừng kinh doanh cây gỗ lớn và cây đa mục đích:*

Đối với phát triển lâm nghiệp, trước đây chủ yếu người dân trồng rừng là do trông chờ vào hỗ trợ của nhà nước, chưa quan tâm đầu tư, chăm sóc nên giá trị thu nhập từ rừng chưa tương xứng với tiềm năng. Từ năm 2017, các chủ rừng đã nhận thức rõ hơn về lợi ích thu được từ trồng rừng, quan tâm hơn tới việc đầu tư, chăm sóc, có những nơi đã bón phân cho rừng trồng hoặc tự bỏ vốn ra trồng rừng, giảm việc khai thác rừng gỗ nhỏ... để nâng cao giá trị thu được trên đơn vị diện tích đất lâm nghiệp. Do vậy, năm 2017, 2018 các địa phương đã trồng được 7.080 ha cây gỗ lớn và cây đa mục đích, đạt 101% mục tiêu. (năm 2017 là 3.285 ha; năm 2018 là 3.795 ha).

- *Chỉ tiêu 02 điểm trung bày giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa tỉnh*

Đến thời điểm hiện nay có 02 đơn vị đang tiến hành các thủ tục để được thuê đất và hoàn tất các thủ tục đầu tư xây dựng điểm trung bày giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa tỉnh Bắc Kạn (tại Phường Phùng Chí Kiên, Thành phố Bắc Kạn và Thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể)

- *Chỉ tiêu 04 khu đất phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với quy mô 03ha trở lên theo quy hoạch cho doanh nghiệp thuê sản xuất rau, củ, quả sạch, chăn nuôi, cây dược liệu:*

Hiện nay có 01 doanh nghiệp (Công ty cổ phần đầu tư và Phát triển bò Mông Việt Nam) đã được UBND tỉnh cho chủ trương đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm, bảo tồn gen và phát triển giống bò Mông tại huyện

Chợ Mới (tại Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1342/QĐ-UBND ngày 05/9/2017) để phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Doanh nghiệp đang hoàn tất thủ tục thuê đất của người dân để triển khai thực hiện dự án trong năm 2019.

### **3.2. Đối với việc sử dụng kinh phí hỗ trợ của chính sách**

Việc thực hiện Nghị quyết 08/2017/NQ-HĐND đã được các Sở, ngành đại phương và các tổ chức tín dụng trên địa bàn phối hợp thực hiện tốt giúp cho các đối tượng có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay để đầu tư sản xuất đối với lĩnh vực nông lâm nghiệp. Một số HTX và trang trại đã được hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất, hỗ trợ mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ cho sản xuất, chế biến sản phẩm nông sản,.... sự hỗ trợ của nhà nước thông qua chính sách đã tác động tích cực đến đời sống nhân dân trên địa bàn, đặc biệt, đã giúp các đối tượng hưởng lợi có điều kiện tiếp cận với khoa học kỹ thuật tiên tiến áp dụng trong sản xuất nông nghiệp, làm thay đổi nhận thức về phát triển sản xuất hàng hóa, tạo sự chuyển biến tốt trong các phương thức tổ chức sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, tạo vùng sản xuất hàng hóa, có sự phát triển theo chuỗi gắn với tiêu thụ sản phẩm được thị trường trong và ngoài tỉnh chấp nhận.

Tuy nhiên, sau hai năm thực hiện chính sách hỗ trợ từ Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh cho thấy các đối tượng được hưởng nguồn kinh phí từ chính sách hỗ trợ của Nghị quyết còn hạn chế, cụ thể:

**- Tổng số kinh phí cho vay theo chính sách của Nghị quyết từ ngân hàng Thương mại:**

Có 01 HTX và 01 trang trại tại Thành phố Bắc Kạn được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất từ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh tỉnh Bắc Kạn với tổng số vốn cam kết là 2.000 triệu đồng, đã giải ngân 1.634 triệu đồng (gồm, HTX nông nghiệp Đại Thành, tổ 11B, phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn; Trang trại chăn nuôi lợn của ông Hà Sỹ Phúc thôn Khuổi Cường, xã Nông Thượng, Thành phố Bắc Kạn).

**- Tổng số kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng là 1.003 triệu đồng, trong đó:**

(1) Hỗ trợ lãi suất tiền vay tại Ngân hàng (6%/năm) cho 01 HTX và 01 trang trại tại Thành phố Bắc Kạn : 81,757 triệu đồng.

(2) Hỗ trợ kinh phí cấp giấy chứng nhận vệ sinh ATTP cho 09 HTX tại địa phương, với số tiền là 68,494 triệu đồng, gồm: 01 HTX tại Thành phố Bắc Kạn, 02 HTX tại huyện Ba Bể, 01 HTX tại huyện Ngân Sơn, 02 HTX tại huyện Na Rì, 03 HTX tại huyện Chợ Đồn.

(3) Kinh phí hỗ trợ cho mô hình HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị:

Hiện nay đã có 03/04 HTX đã được nhận kinh phí hỗ trợ của chính sách theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND với tổng số tiền hỗ trợ là: 852,7 triệu đồng/ kế hoạch 1.200 triệu đồng, đạt 71% kế hoạch giao năm 2018 (HTX Thương mại và dịch vụ Nông nghiệp Hợp Thành Thanh Vân 277,5 triệu đồng; HTX Chè Mỹ Phương 279,8 triệu đồng; HTX Nông nghiệp Tân Thành 295,4 triệu đồng).

Riêng HTX Thương mại và Dịch vụ nông nghiệp Dương Phong huyện Bạch Thông (Trồng, chăm sóc, tiêu thụ cam, quýt) đang tổ chức, thực hiện mua

sắm máy móc, trang thiết bị, và chưa hoàn tất hồ sơ đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ mua máy móc, thiết bị theo quy định. Chưa được nhận hỗ trợ kinh phí.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Để thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa, cùng với các chính sách của Trung ương, Tỉnh đã triển khai có nhiều chính sách hỗ trợ, như: chính sách chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017-2020, chính sách xúc tiến thương mại mở rộng thị trường, chính sách hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã, chính sách hỗ trợ nguồn nhân lực trẻ,... Như vậy, có thể thấy các chính sách nhà nước hỗ trợ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp của tỉnh khá đầy đủ, từ hỗ trợ phát triển sản xuất, tăng cường năng lực, tài chính, tín dụng, xúc tiến thương mại, đến trợ giúp pháp lý, tư vấn... nhưng các chính sách này đi vào cuộc sống chưa nhiều, số lượng HTX được hưởng lợi từ chính sách còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế.

Trong đó, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh là phù hợp với định hướng phát triển về nông lâm nghiệp của tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể để thực hiện Nghị quyết, các cơ quan chuyên môn đã chủ động tham mưu cho UBND huyện, thành phố triển khai thực hiện. Tuy nhiên, với nguồn ngân sách của tỉnh hạn hẹp nên chính sách của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND chủ yếu hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các HTX, trang trại, gia trại, tổ hợp tác nên trong quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, đối tượng khó tiếp cận với nguồn vốn vay vì: Phần lớn HTX được thành lập còn hạn chế trong năng lực quản trị, phương án kinh doanh chưa có tính khả thi hoặc thiếu tài sản thế chấp. Do đó không vay được vốn từ các Ngân hàng để được hỗ trợ lãi suất. Đối với chính sách hỗ trợ mô hình HTX kiểu mới sản xuất gắn với chuỗi giá trị của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND: Một số HTX đã được tiếp cận với chính sách, được cơ quan chuyên môn hỗ trợ, hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ nhưng do năng lực của các HTX còn yếu nên tiến độ thực hiện mô hình chậm dẫn đến chậm hoàn thiện hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí mua sắm máy móc thiết bị theo quy định.

## **III. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

Một số Hợp tác xã hoạt động chưa định hướng được ngành nghề sẽ tổ chức sản xuất, thành viên tham gia vào hợp tác xã còn mang tính hình thức, nhiều hợp tác xã chưa có liên doanh, liên kết với nhau, chưa có sự thúc đẩy của doanh nghiệp cùng ngành nghề. Bên cạnh đó, HTX khó tiếp cận vốn vay vì để hưởng chính sách vay vốn hợp tác xã phải có tài sản thế chấp, phải có hợp đồng bao tiêu sản phẩm ổn định 3 năm trở lên,....

Đối với việc thuê đất: Hiện nay một số HTX, doanh nghiệp muốn thuê đất do UBND cấp xã quản lý nhưng thủ tục còn rườm rà, mất nhiều thời gian (làm đơn, viết phương án sản xuất kinh doanh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiến hành đo đạc, thông qua HĐND tùy từng loại đất ...). Như vậy, phải mất gần 01 năm mới xong các thủ tục thuê đất thì cũng đã hết hết thời gian hưởng lãi suất vốn vay.



Ngoài ra, trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh những bất cập và một số nội dung tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND chưa phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, như:

- Tại khoản 1, Điều 4. Chính sách hỗ trợ lãi suất mua sắm máy móc thiết bị: Đối tượng hỗ trợ là các HTX hoạt động trên địa bàn các phường, thị trấn trong tỉnh, chưa quy định cho đối tượng HTX hoạt động trên địa bàn các xã hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất mua máy móc, thiết bị. (lý do: Tại Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định đối tượng các xã được hưởng theo chính sách này nhưng đến nay Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND đã bãi bỏ).

- Các chính sách được quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh: Tại khoản 1, Điều 5 có quy định: "1. Đối tượng hỗ trợ: Các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, trang trại, gia trại". Nhưng tại khoản 3, Điều 5 chưa có quy định cụ thể về nội dung, thời gian, mức hỗ trợ cho các Hợp tác xã (HTX) chăn nuôi, Tổ hợp tác chăn nuôi, Hợp tác xã tổng hợp thuộc lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

- Theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, cụ thể: Tại khoản 1, Điều 12 của Nghị định này thì đối tượng Tổ hợp tác, gia trại không thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Vì vậy, đối tượng hỗ trợ quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND cần phải sửa đổi là "Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã, các trang trại (gọi tắt là cơ sở)" để phù hợp với các văn bản quy định hiện hành.

- Cây dong riềng là loại cây trồng có tiềm năng của tỉnh Bắc Kạn nhưng Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND chưa đưa đối tượng hỗ trợ là các cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất miến dong vào nội dung Nghị quyết. Do vậy, chưa khuyến khích được việc các cơ sở chế biến miến dong tiêu thụ nguyên liệu tại chỗ, nâng công suất chế biến và từng bước đưa thương hiệu miến dong Bắc Kạn phát triển ổn định, bền vững trên thị trường trong và ngoài nước.

#### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh để khắc phục những hạn chế, vướng mắc khi triển khai Nghị quyết trong thực tế.

Trên đây là Báo cáo kết quả hai năm thực hiện Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND của UBND tỉnh Bắc Kạn./.

**Nơi nhận:**

Gửi bản giấy

- HĐND tỉnh;

- CT, PCT UBND tỉnh;

- VPUB ND tỉnh;

Gửi bản điện tử:

- HĐND tỉnh;

- CT, PCT UBND tỉnh;

- VPUB ND tỉnh;

- Lưu: VT, ....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



## BÁO CÁO THUYẾT MINH

Xây dựng Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị Quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020

### II. CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

#### 1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Khoản 3, Điều 146 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Quyết định số 23/QĐ-HĐND ngày 06/11/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành hệ thống quy trình xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Kạn khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021. Lý do: Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ban hành ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh quy định đối tượng hỗ trợ tại khoản 1 Điều 7 theo Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm nhưng nay đã thay thế bằng Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

Căn cứ Khoản 4, Điều 37, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh, về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Thông báo số 04/TB-HĐND ngày 05/01/2019 của HĐND tỉnh Bắc Kạn về việc Kết luận phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 01 năm 2019 (mở rộng);

#### 2. Căn cứ thực tiễn

Từ những vấn đề phát sinh trong thực tiễn khi thực hiện Nghị quyết, cụ thể: Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ban hành ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh đã được xây dựng theo đúng trình tự quy định. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết đã phát sinh những bất cập, một số nội dung trong Nghị quyết chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Do vậy cần thiết phải xây dựng hồ sơ và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung trong Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

### **III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM**

#### **1. Mục đích**

Xây dựng Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020 cho phù hợp với các văn bản quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện phát triển sản xuất thực tế của địa phương. Đồng thời, khuyến khích các đối tượng tham gia hoạt động sản xuất, chế biến sản phẩm nông sản theo hướng hàng hóa trên địa bàn mạnh dạn đầu tư mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, chất lượng để sản phẩm được kết nối theo chuỗi giá trị nâng cao giá trị sản phẩm và có thị trường tiêu thụ ổn định trong, ngoài nước.

#### **2. Quan điểm**

Nội dung Nghị quyết sau khi điều chỉnh, bổ sung phải phù hợp với mục tiêu khuyến khích phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế tại địa phương.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Theo quy định, trong quá trình xây dựng Dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức thực hiện các bước như sau:

1. UBND tỉnh đề xuất ý kiến của Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020 được thực hiện theo thủ tục rút gọn và được Ban cán sự đảng UBND tỉnh nhất trí tại cuộc họp ngày 05/11/2018 (tại Thông báo số 740-TB/BCSĐ ngày 06/11/2018 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh).

2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh trình xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy tại Văn bản số 781- CV/BCSĐ ngày 16/11/2018 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh xin chủ trương điều chỉnh, bổ sung nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh tỉnh Bắc Kạn; Thường trực Tỉnh ủy đã nhất trí tại Thông báo số 1021-TB/TU ngày 19/11/2018 của Tỉnh ủy Bắc Kạn;

3. Hội đồng nhân dân tỉnh nhất trí và chỉ đạo tại Thông báo số 04/TB-HĐND ngày 05/01/2019 Kết luận phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 01 năm 2019 (mở rộng); Thông báo số 05/TB-HĐND ngày 14/01/2019 về việc dự kiến thời gian, nội dung kỳ họp thứ 11 HĐND tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2016-2021.

### **IV. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT**

Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND là Chính sách của tỉnh hỗ trợ để khuyến khích các doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã (HTX), trang trại, gia trại hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp phát triển sản xuất, chế biến các sản phẩm nông sản của địa phương theo hướng hàng hóa có liên kết chuỗi. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết tại địa phương đã phát sinh những bất cập, một số nội dung trong Nghị quyết chưa phù hợp với các văn bản, quy định hiện hành và tình hình thực tế hiện nay tại địa phương, cụ thể:

(1) Tại khoản 1, Điều 4. Chính sách hỗ trợ lãi suất mua sắm máy móc thiết bị: Đối tượng hỗ trợ là các HTX hoạt động trên địa bàn các phường, thị trấn trong tỉnh, chưa quy định cho đối tượng HTX hoạt động trên địa bàn các xã hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất mua máy móc, thiết bị (*lý do: Tại Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định đối tượng các xã được hưởng theo chính sách này nhưng đến nay Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND đã bãi bỏ*). Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các HTX hoạt động trên địa bàn cần thiết bổ sung chính sách hỗ trợ cho các đối tượng HTX hoạt động trên địa bàn xã.

(2) Tại khoản 1, Điều 5 của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định “Đối tượng hỗ trợ: Các HTX, tổ hợp tác, gia trại, trang trại”. Nhưng tại khoản 3, Điều 5 chưa có quy định cụ thể về thời gian mức hỗ trợ cho tổ hợp tác chăn nuôi, HTX chăn nuôi và HTX tổng hợp. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho đối tượng là tổ hợp tác chăn nuôi, HTX chăn nuôi và HTX tổng hợp thuộc lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh thì việc bổ sung nội dung, thời gian, mức hỗ trợ đối với các Tổ hợp tác chăn nuôi, HTX chăn nuôi và HTX tổng hợp là cần thiết. (*nội dung này đã được Thường trực HĐND tỉnh nhất trí bổ sung vào Hướng dẫn thực hiện Nghị số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh tại Công văn số 194/HĐND-VP ngày 08/10/2018*), cụ thể:

Bổ sung vào khoản 3, Điều 5 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về nội dung, thời gian, mức hỗ trợ đối với tổ hợp tác chăn nuôi, HTX chăn nuôi, HTX tổng hợp thuộc lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp:

Hỗ trợ lãi suất vốn vay từ các tổ chức tín dụng để tổ hợp tác chăn nuôi, HTX chăn nuôi, HTX tổng hợp thuộc lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp đầu tư chăn nuôi gia súc (trâu, bò, lợn, dê) mức hỗ trợ lãi suất là 6%/năm, mức vay hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 1.000 triệu đồng/tổ hợp tác và không quá 3.000 triệu đồng/01 HTX. Thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa 02 năm; hỗ trợ 01 lần/01 Tổ hợp tác, HTX.

(3) Tại Điều 7. Hỗ trợ kinh phí thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn QCVN 01-132:2013/BNNPTNT quy định “Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, gia trại”. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 1, Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02/02/2018 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, thì đối tượng tổ hợp tác, gia trại không thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Chính vì vậy, đối tượng hỗ trợ quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND cần thiết được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với các văn bản quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương, như sau: “Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã, trang trại (gọi tắt là cơ sở)”.

Mặt khác, để xuất bán được sản phẩm trên ra thị trường thì các cơ sở phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPTNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khác (chứng nhận VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...) hoặc cơ sở

phải tự công bố sản phẩm là một bằng chứng về thực phẩm đảm bảo sạch, an toàn để có cơ hội được cung cấp sản phẩm nông sản vào các siêu thị, khách sạn, nhà hàng,...từ đó các sản phẩm có thể mang của địa phương mới thành hàng hóa, có thương hiệu và tham gia vào chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước. Tuy nhiên, các hợp tác xã, trang trại đang hoạt động về lĩnh vực nông lâm nghiệp trên địa bàn hiện nay chủ yếu là mới thành lập, bước đầu còn gặp nhiều khó khăn về vốn hoạt động, một mặt thì các cơ sở phải tuân thủ đầy đủ các điều kiện sản xuất, kinh doanh, nộp phí và lệ phí theo quy định của Nhà nước. Quá trình thẩm định tại cơ sở có tiến hành lấy mẫu để phân tích kiểm tra chất lượng sản phẩm, mức chi phí phân tích mẫu khá cao, như: Phân tích 01 chỉ tiêu tồn dư chất bảo vệ thực vật mức phí 875.000đ/chỉ tiêu, phân tích tồn dư kim loại nặng trên mẫu đất hoặc mẫu nước mức phí 1.200.000đ/mẫu,... Do đó, để giảm bớt khó khăn về tài chính rất cần Nhà nước bổ sung tại khoản 3, điều 7 của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND chính sách hỗ trợ cho các hợp tác xã, trang trại về kinh phí thẩm định, phí phân tích mẫu; phí cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác (chứng nhận VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...); phí phân tích sản phẩm để tự công bố sản phẩm theo quy định.

(4) Thực trạng sản xuất đối với cây dong riêng và miến dong hiện nay trên địa bàn:

Toàn tỉnh có 37 cơ sở sản xuất, chế biến miến dong, trong đó có 17 cơ sở vừa chế biến bột, vừa sản xuất miến; 10 cơ sở chuyên sản xuất tinh bột; 10 cơ sở chuyên sản xuất miến. Trong số 37 cơ sở trên chỉ có 27 cơ sở có máy chuyên sản xuất miến dong, trong đó: Có 4 cơ sở chế biến đạt công suất trên 80 tấn miến dong/năm; có 11 cơ sở chế biến đạt công suất từ 50 – 80 tấn miến dong/năm; còn lại là 12 cơ sở chế biến miến đạt dưới 50 tấn miến dong/năm. Mặt khác, hoạt động sản xuất miến dong của các cơ sở chế biến không thường xuyên, liên tục. Bình quân 01 cơ sở chế biến miến dong có thời gian hoạt động sản xuất 200 ngày/năm, sản lượng miến xuất bán chỉ bằng 80% công suất của máy chế biến nên với năm 2018, diện tích dong riêng 1.040 ha, năng suất đạt 700 tạ củ/ha, sản lượng 72.800 tấn củ tươi (nếu chế biến được hết củ dong, bình quân thu hồi tinh bột được 14%) sẽ cho sản lượng tinh bột dong riêng trên 10.000 tấn, trong đó chỉ dự kiến có 2.800 tấn tinh bột dong được chế biến thành 1.680 tấn miến dong thương phẩm (1kg tinh bột sản xuất được 0,6 kg miến); còn lại thừa 7.200 tấn bột dong (chiếm 72% lượng tinh bột dong) không sản xuất thành miến phải bán ra thị trường ngoài tỉnh.

Sản lượng miến sản xuất hàng năm được tiêu thụ với giá cả và thị trường ổn định. Tuy nhiên, sản lượng sản xuất miến còn thấp, quy mô sản xuất còn manh mún, chưa đáp ứng được nhu cầu chế biến của sản lượng củ và tinh bột dong riêng hàng năm trên địa bàn tỉnh (sản xuất miến chỉ sử dụng được 20-30% lượng tinh bột). Vì vậy, hàng năm đều phải bán củ dong và tinh bột dong riêng ra ngoài tỉnh với giá thấp và không ổn định ảnh hưởng đến hàng nghìn hộ nông dân trồng dong riêng trong toàn tỉnh.

Để khuyến khích các cơ sở sản xuất, các tổ hợp tác, hợp tác xã đầu tư mở rộng quy mô và đầu tư mới về sản xuất miến dong riêng tạo thành chuỗi liên kết sản xuất từ vùng nguyên liệu đến sản phẩm miến nhằm ổn định thị trường, củng cố duy trì thương hiệu sản phẩm miến dong và nâng cao thu nhập cho người dân, cần thiết bổ sung nội dung và đối tượng hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất, tổ hợp tác và hợp tác xã sản xuất dong riêng trên địa bàn tỉnh.

Sau khi tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo UBND tỉnh tại cuộc làm việc xem xét, giải quyết những khó khăn vướng mắc phục vụ công tác chế biến, tiêu thụ dong riêng năm 2018 trên địa bàn huyện Ba Bể, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với Sở Công thương xây dựng Phương án bổ sung đối tượng, điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất miến dong trên địa bàn được hưởng chính sách của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

- Đối tượng hỗ trợ: Cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất miến dong trên địa bàn (gọi tắt là cơ sở sản xuất miến dong).

- Điều kiện hỗ trợ: Các cơ sở sản xuất miến dong sử dụng 100% nguyên liệu tại địa phương để sản xuất thành miến dong thương phẩm, công suất chế biến tối thiểu đạt 100 tấn miến/năm.

Chính sách chi hỗ trợ cho cơ sở sản xuất miến dong khi cơ sở đó có hồ sơ chứng minh được về nguồn gốc tinh bột mua ở các cơ sở sản xuất tại địa phương, nơi cung cấp nguyên liệu củ dong riêng có địa chỉ rõ ràng, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi sản xuất nguyên liệu củ dong.

#### *Cơ sở tính toán:*

Để sản xuất ra được 100 tấn miến dong cần 168 tấn bột dong tương đương với 1.200 tấn củ dong tươi (*diện tích trồng 01 ha đạt năng suất bình quân 680 tạ/ha, củ dong có tỉ lệ tinh bột đạt 14%*). Như vậy, vùng nguyên liệu để cung ứng xuất ra được 100 tấn miến dong có diện tích là 18 ha trở lên.

- Nội dung, thời gian, mức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền; mức hỗ trợ: Hỗ trợ 500 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt 100 - 150 tấn miến dong/năm; hỗ trợ 800 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt trên 150 - 300 tấn miến dong/năm; hỗ trợ 1.200 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt trên 300 - 500 tấn miến dong/năm; hỗ trợ không quá 2.000 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt trên 500 tấn miến dong/năm; hỗ trợ 01 lần/01 cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất miến dong.

#### *Cơ sở đưa ra mức hỗ trợ:*

Mục đích để khuyến khích các cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã thu mua, tích trữ tinh bột dong riêng, chế biến thành miến thương phẩm... Đồng thời, khuyến khích các cơ sở mở rộng quy mô, nâng cấp công suất chế biến miến dong, hạn chế việc cơ sở bán tinh bột dong ra ngoài tỉnh. Hỗ trợ khoảng 6- 8% doanh thu của số miến sản xuất ra của cơ sở chế biến.

#### IV. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tinh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020, gồm:

##### 1. Nội dung đề nghị điều chỉnh:

Nội dung tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND	Nội dung đề nghị điều chỉnh
<p><b>Điều 4. Chính sách hỗ trợ thay đổi phương thức sản xuất</b></p> <p>1. Hỗ trợ lãi suất mua sắm máy móc thiết bị</p> <p>a) Đối tượng hỗ trợ: Các Hợp tác xã hoạt động trên địa bàn các phường, thị trấn trong tỉnh.</p> <p><b>Điều 7. Hỗ trợ kinh phí thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn QCVN 01-132:2013/BNNPTNT</b></p> <p>1. Đối tượng hỗ trợ: Các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, trang trại, gia trại.</p> <p>2. Điều kiện hỗ trợ: Các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, trang trại, gia trại có hoạt động đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn QCVN 01-132:2013/BNNPTNT.</p> <p>3. Nội dung hỗ trợ</p>	<p><b>Điều 4. Chính sách hỗ trợ thay đổi phương thức sản xuất</b></p> <p>1. Hỗ trợ lãi suất mua sắm máy móc thiết bị</p> <p>a) Đối tượng hỗ trợ: Các Hợp tác xã (HTX) hoạt động trên địa bàn các xã, phường, thị trấn trong tỉnh.</p> <p><b>Điều 7. Hỗ trợ kinh phí thẩm định, phí phân tích mẫu để cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; phí cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPTNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác (chứng nhận VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...); phí phân tích sản phẩm để tự công bố sản phẩm.</b></p> <p>1. Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã, trang trại.</p> <p>2. Điều kiện hỗ trợ: Các hợp tác xã, trang trại có hoạt động đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật An toàn thực phẩm; cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPTNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khác (Chứng nhận VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...); tự công bố sản phẩm, quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.</p> <p>3. Nội dung, mức hỗ trợ:</p>



<p>a) Hỗ trợ 100% kinh phí thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.</p> <p>b) Hỗ trợ 100% kinh phí cấp giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn QCVN 01-132:2013/BNNPTN.</p> <p>4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau khi được cấp giấy chứng nhận.</p>	<p>Hỗ trợ một lần phí thẩm định, phí phân tích mẫu để cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; phí cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPTN và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khác (Chứng nhận VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...); phí phân tích sản phẩm để tự công bố sản phẩm cho các hợp tác xã, trang trại đủ điều kiện an toàn thực phẩm nhưng không vượt quá 30 triệu đồng/01 hợp tác xã, trang trại.</p> <p>4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau khi được cấp giấy chứng nhận.</p>
---	---

## 2. Nội dung đề nghị bổ sung

2.1. Bổ sung vào khoản 1, 2, 3 Điều 5 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về đối tượng hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ, nội dung, thời gian, mức hỗ trợ đối với cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất miền dong:

- Đối tượng hỗ trợ: Các cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất miền dong (*gọi tắt là cơ sở sản xuất miền dong*) trên địa bàn tỉnh.

- Điều kiện hỗ trợ: Các cơ sở sản xuất miền dong sử dụng 100% nguyên liệu tại địa phương để sản xuất thành miền dong thương phẩm, công suất chế biến tối thiểu đạt 100 tấn miền/năm.

- Nội dung, thời gian, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền; mức hỗ trợ: Hỗ trợ 500 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt 100 - 150 tấn miền dong/năm; hỗ trợ 800 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt trên 150 - 300 tấn miền dong/năm; hỗ trợ 1.200 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt trên 300 - 500 tấn miền dong/năm; hỗ trợ không quá 2.000 triệu đồng/cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất đạt trên 500 tấn miền dong/năm; hỗ trợ 01 lần/01 cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất miền dong.

2.2. Bổ sung vào khoản 3, Điều 5 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về nội dung, thời gian, mức hỗ trợ đối với tổ hợp tác chăn nuôi, HTX chăn nuôi, HTX tổng hợp thuộc lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp:

Hỗ trợ lãi suất vốn vay từ các tổ chức tín dụng để tổ hợp tác chăn nuôi, HTX chăn nuôi, HTX tổng hợp thuộc lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp đầu tư chăn nuôi gia súc (trâu, bò, lợn, dê) mức hỗ trợ lãi suất là 6%/năm, mức vay hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 1.000 triệu đồng/Tổ hợp tác và không quá 3.000 triệu đồng/01 HTX. Thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa 02 năm; hỗ trợ 01 lần/01 Tổ hợp tác, HTX.

## V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Dự kiến trình HĐND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết tại kỳ họp thứ 11 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX tỉnh Bắc Kạn.

## IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện của Nghị quyết sau khi điều chỉnh bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 không phát sinh so với kinh phí mà Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 đang thực hiện. Số kinh phí khoảng 100.000 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

*(có biểu khái toán kinh phí kèm theo)*

Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ thông qua Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị. Hàng năm ngay sau khi kế hoạch, dự toán kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức rà soát và quyết định phê duyệt đối tượng và mức kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng hưởng lợi đảm bảo các quy định của pháp luật.

Các vùng, các đối tượng, nếu đang được hưởng những chính sách khác không trùng với những chính sách tại quy định này thì tiếp tục hưởng những chính sách đó. Trong cùng một thời gian, nếu đối tượng được hưởng nhiều mức hỗ trợ khác nhau của cùng một chính sách thì chỉ được lựa chọn hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

## VII. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị Quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh Bắc Kạn xin ý kiến góp ý của Các Sở, ngành, địa phương và đăng tải xin ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Bắc Kạn đảm bảo theo quy định; lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp để đảm bảo nghị quyết có tính khả thi khi triển khai.

Khi Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh Bắc Kạn được thông qua, sẽ khuyến khích thêm đối tượng là các cơ sở sản xuất miền đông nâng công suất sản xuất, chế biến và sử dụng 100% nguyên liệu tại địa phương để sản xuất miền đông thương phẩm có sự tham gia liên doanh, liên kết từ khâu sản xuất đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm hình thành chuỗi liên kết có sức cạnh tranh trên thị trường. Thu nhập của người sản xuất, tổ chức đại diện của nông dân và doanh nghiệp tăng lên. Hạn chế đến mức thấp nhất những rủi ro trong sản xuất nông nghiệp. Tạo động lực cho các nhà đầu tư tham gia vào lĩnh vực phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định, bền vững. *th*

**Nơi nhận:**

Gửi bản điện tử:

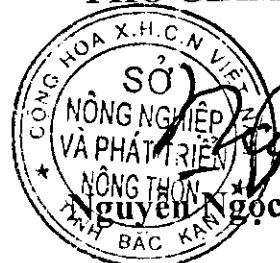
- UBND tỉnh (B/cáo);

- GD, các PGĐ Sở;

Gửi bản giấy:

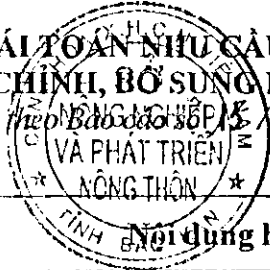
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Ngọc Cương**

**KHAI TOÁN NHỮNG CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH SAU KHI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT SỐ 08/2017/NQ-HĐND NGÀY 11/4/2017**  
(Kèm theo Báo cáo số ABC-SNN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)



DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	DVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ thay đổi phương thức sản xuất</b>				<b>8.600</b>
1	Lãi suất mua máy móc thiết	HTX	20	80	1.600
2	Tài chính, tín dụng	Quỹ			4.000
3	Xây dựng HTX điểm	HTX	10	300	3.000
<b>II</b>	<b>Chuyên giao, ứng dụng tiến bộ KHKT</b>				<b>56.105</b>
1	Cây rau công nghệ cao	ha	25	120	3.000
2	Cây rau đạt quy chuẩn	ha	500	6	3.000
3	Cây ăn quả, chè...	ha	1400	12	16.800
4	Cơ sở sản xuất miền đông	cơ sở	10		8.800
5	Gia trại	gia trại	500	24	12.000
6	Trang trại	T. trại	20	120	2.400
7	Chuyển đổi cây gỗ lớn	ha	1450	2,5	3.625
8	Lãi xuất trồng cây gỗ lớn	ha	1200	5,4	6.480
<b>II</b>	<b>Xúc tiến, quảng bá sản phẩm</b>				<b>10.180</b>
1	Lãi xuất thu mua sản phẩm	HTX, DN	14	120	1.680
2	Xây dựng điểm	điểm	2	500	1.000
3	Quảng bá trong tỉnh	năm	3	500	1.500
4	Quảng bá ngoài tỉnh	năm	3	2000	6.000
<b>III</b>	<b>Cấp giấy chứng nhận</b>				<b>5.117</b>
1	Tỉnh cấp	cơ sở	610	0,7	427
2	Trung ương cấp	cơ sở	70	2	140
3	Chứng nhận đạt quy chuẩn	HTX	70	65	4.550
<b>IV</b>	<b>Tích tụ đất đai</b>				<b>20.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>				<b>100.000</b>

